TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẬU LỘC
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **135** /2023/HNGĐ - ST
Ngày: 28/9/2023
V/v " Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC - TỈNH THANH HÓA

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lường Thị Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Lâm

Ông Phan Văn Lâm

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thụy Cầm - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 111/2023/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 8 năm2023, về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 80/2023/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ph - Sinh năm 1990

Nơi ĐKHKTT: Thôn X, xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa (Chị Ph có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ hiện nay: Thôn Tr, xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn**:** Anh Đinh Sỹ H - sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn X, xã L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa (Anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại bản tự khai nguyên đơn - chị Trần Thị Ph trình bày:

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ph và anh Đinh Sỹ H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, việc kết hôn được đăng ký tại UBND xã Xuân Lộc, huyện Hậu Lộc, vào ngày 11/4/2016. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc

được khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, anh H có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác ở bên ngoài rồi về đánh đập chị. Vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị Ph xét thấy tình cảm vợ chồng không còn khả năng hàn gắn, đoàn tụ nên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đinh Sỹ H.

Về con chung: Chị Trần Thị Ph không có con chung và hiện tại chị Ph cũng không có thai với anh H nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị Trần Thị Ph xác định vợ chồng không có tài sản gì chung, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** *Đối với bị đơn - anh Đinh Sỹ H:*

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần anh Đinh Sỹ H đến Toà án để giải quyết việc ly hôn với chị Ph nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Toà án đã phối hợp với địa phương và gia đình anh H tại thôn X, xã L, huyện L để xác minh và tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng như Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho người thân của anh H. Vì lý do anh H đang đi làm và không có mặt tại gia đình nên bà Gi (mẹ đẻ) đã nhận thay các văn bản trên và cam kết sẽ có trách nhiệm giao lại tận tay và đồng thời thông báo ngay cho anh H biết.

Tại phiên tòa lần 2, anh H vắng mặt không có lý do. Các đương sự đều vắng mặt nên Chủ tọa phiên tòa công bố các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Chủ tọa phiên tòa nêu tóm tắt vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng tiến hành thảo luận về vấn đề giải quyết xin ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn.

*** Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về quan điểm về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Luật hôn nhân và gia đình.

- Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Ph, xử cho chị Ph được ly hôn anh Đinh Sỹ H.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung với anh H, hiện tại chị Ph cũng không có thai với anh H nên đề nghị HĐXX không xem xét.

- Về tài sản và công nợ: Chị Trần Thị Ph không yêu cầu giải quyết, nên miễn xét.

- Về án phí: Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, về mức án phí, lệ phí Tòa án. Chị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, và đề nghị hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc, có đủ cơ sở nhận định.

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

Tranh chấp liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị Ph và bị đơn anh Đinh Sỹ H là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn có địa chỉ tại thôn X, xã L, huyện L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt.

Xét việc vắng mặt của bị đơn: Theo kết quả xác minh tại gia đình và địa phương cho biết: Anh Đinh Sỹ H có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã L, huyện L, tại thời điểm xác minh, anh H đang đi làm nhưng anh H vẫn thường xuyên về nhà. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành tống đạt văn bản tố tụng và lập biên bản giao các văn bản tố tụng cho bà Giáp là mẹ đẻ nhận thay, bà Gi cam kết sẽ giao lại và thông báo ngay cho anh H, để anh H biết và thực hiện quyền của mình. Việc tống đạt văn bản tố tụng phù hợp theo quy định tại các Điều 174, khoản 1 Điều 175 và khoản 5 Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, điểm a, điểm b, khoản 1 Điều 238 của BLTTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn: Chị Trần Thị Ph và anh Đinh Sỹ H kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, việc kết hôn được đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L vào ngày 11/4/2016. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả anh và chị không vi phạm quy định về độ tuổi và các điều kiện kết hôn theo Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, thời kỳ hôn nhân của chị Ph và anh H được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Quá trình làm việc tại Tòa án, chị Ph cương quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 05 (năm) thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chưa có con chung nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Do mâu thuẫn trầm trọng và không thể chung sống được nữa nên chị Ph đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 8 năm 2022 đến nay. Thời gian vợ chồng sống ly thân, hai bên cũng không có giải pháp để hàn gắn lại mối quan hệ. Quá trình giải quyết vụ án, anh H đã được người nhà thông báo và biết thông tin chị Ph khởi kiện ly hôn nhưng anh H cố tình không đến Tòa án và cũng không có quan điểm, ý kiến trình bày. Như vậy chứng tỏ rằng anh H cũng không có thiện chí hay giải pháp gì để níu kéo chị Ph quay về đoàn tụ. Điều này chứng minh tình cảm giữa chị Ph và anh H đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với tình trạng hôn nhân và quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Chị Trần Thị Ph và anh Đinh Sỹ H không có con chung, hiện tại chị Ph cũng không có thai với anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về tài sản chung và công nợ: Chị Trần Thị Ph không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết nên miễn xét.

[5].Về án phí: Buộc chị Trần Thị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, điểm a, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Vắng mặt chị Trần Thị Ph và anh Đinh Sỹ H.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Ph.

Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ph được ly hôn với anh Đinh Sỹ H.

Về án phí: Buộc chị Trần Thị Ph phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Ph đã nộp theo biên lai thu số: AA/2022/0005319, ngày 01/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc. Chị Trần Thị Ph đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc) ngày bản án được niêm yết tại địa phương, nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- *VKSND huyện Hậu Lộc;*
- *VKSND tỉnh Thanh Hóa;*
- *Các đương sự;*
- *Chi cục THADS huyện Hậu Lộc;*
- *UBND xã Xuân Lộc;*
- *TAND tỉnh.Thanh Hóa;*
- *Lưu hồ sơ.*

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lường Thị Hoa